TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HS-ST
Ngày: 05 - 3 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Lan.

2. Ông Nguyễn Đắc N.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Quân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST-HS ngày 18/02/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T - Tên gọi khác: Không. - Giới tính: N.

Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1998, tại tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Tổ 63, khu 8, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Quốc tịch: Việt N. - Dân tộc: Kinh. - Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không. - Trình độ văn hoá: 01/12.

Con ông: Nguyễn Văn Ng1, sinh năm 1977.

Con bà: Dương Thị O, sinh năm 1980.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt theo lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 07/11/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh.

** Bị hại:* Anh Vũ Văn N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 64, khu 8, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 2, khu 5B, phường C1, thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Đoàn Văn G, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Bản Ch, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc G. Vắng mặt.

- Anh Đào Mạnh Đ, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn Th1, xã Th2, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.4. Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị Ng2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 64, khu 8, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Anh Bùi Văn D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 2, khu 5B, phường C1, thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28 tháng 10 năm 2018, Nguyễn Văn T nảy sinh ý định mượn xe của anh Vũ Văn N để đem đi cầm cố lấy tiền mua ma túy. Để thực hiện ý định trên, vào khoảng 12 giờ 45 phút ngày 28/10/2018, T đến nhà anh N tại tổ 64, khu 8, phường H, thành phố Hạ Long, hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 14B1-470.65. Khi hỏi mượn xe, T nói dối anh N là mượn xe đi có việc đến 14 giờ cùng ngày sẽ trả. Anh N đồng ý cho T mượn xe nhưng không đưa cho T giấy tờ xe. Ngay sau đó, T điều khiển xe mô tô của anh N đến phòng trọ của anh Đào Mạnh Đ là bạn của T tại phường C1, thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh. Đến nơi, T đưa chiếc xe trên cho anh Đ nhưng không cho anh Đ biết về nguồn gốc của chiếc xe đồng thời nhờ anh Đ đem đi cầm cố giúp. Anh Đ đồng ý và gọi điện cho anh Đoàn Văn G nhờ cầm cố xe giúp T. G đồng ý và cùng Đ điều khiển xe mô tô BKS 14B1-470.65 đến hiệu cầm đồ X tại tổ 2, khu 5B, phường C1, thành phố C2 cầm cố cho chị Nguyễn Thị Th được 5.000.000 đồng rồi đưa cho T. Đến hẹn không thấy T trả xe, anh N gọi điện cho T nhiều lần nhưng không liên lạc được. Đến ngày 07/11/2018, T gọi điện hẹn anh N xuống thành phố C2 để nói chuyện, anh N đồng ý và cùng anh Nguyễn Văn Ph xuống C2 gặp T thì được biết T đã cầm cố chiếc xe trên lấy tiền ăn tiêu hết nên anh N đến Công an trình báo.

Ngày 07/11/2018, chị Nguyễn Thị Th là chủ cửa hàng cầm đồ X biết xe mô tô BKS 14B1-470.65 do anh G cầm cố tại cửa hàng của chị Th liên quan đến vụ án nên tự nguyện giao nộp.

Bản kết luận định giá tài sản số 240/KLGĐ ngày 15/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Hạ Long, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 14B1-470.65 của anh Vũ Văn N tại thời điểm bị xâm phạm trị giá 15.558.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cáo trạng số: 30/CT-VKSHL ngày 25/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 07/11/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hạ Long đã trả lại chiếc xe mô tô BKS 14B1-470.65 cho bị hại anh Vũ Văn N nên không đề cập xử lý. Trước khi mở phiên tòa, anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không yêu cầu T bồi thường nên không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th có hành vi nhận cầm cố xe mô tô không rõ nguồn gốc, đã bị xử phạt hành chính nên không đề cập xử lý.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Văn G và anh Đào Mạnh Đ giúp T cầm cố xe mô tô, nhưng không biết rõ là tài sản do T phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm.

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Bị hại anh Vũ Văn N có lời khai thể hiện: Vào khoảng 12 giờ 45 phút ngày 28/10/2018, anh đang ở nhà tại Tổ 64, khu 8, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh thì Nguyễn Văn T đến hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 14B1-470.65 của anh N để đi có việc. Anh N đồng ý cho T mượn xe nhưng không đưa giấy tờ xe và hẹn T đến 14 giờ cùng ngày phải mang trả xe. Khoảng 15 giờ cùng ngày, không thấy T về trả xe nên anh N gọi điện thoại cho T, sau đó T tắt máy khiến anh N không liên lạc được. Ngày 06/11/2018, T gọi điện thoại hẹn anh N xuống C2 và nói cho anh N biết về việc T cầm cố xe của anh N. Sau khi biết việc, anh N đã đưa bị cáo Nguyễn Văn T về trụ sở Công an thành phố C2 để làm rõ. Tài sản do bị cáo chiếm đoạt là

chiếc xe mô tô anh đã được nhận lại. Anh N không yêu cầu T bồi thường thiệt hại và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các anh Đoàn Văn G và anh Đào Mạnh Đ có lời khai thể hiện: Các anh là bạn quen biết xã hội với bị cáo Nguyễn Văn T. Ngày 28/10/2018, T có nhờ các anh cầm cố chiếc xe BKS 14B1-470.65. Anh G và anh Đ đã mang xe đi cầm cố tại hiệu cầm đồ X được số tiền 5.000.000 đồng về đưa cho T. Các anh không biết về việc chiếc xe trên là tài sản do T phạm tội mà có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th có lời khai phù hợp với lời khai của các anh Đ, G về việc: Vào ngày 28/10/2018, do quen biết với anh G nên chị Th nhận cầm cố chiếc BKS 14B1-470.65 hộ anh G mà không có giấy tờ. Sau khi biết chiếc xe mô tô BKS 14B1-470.65 do anh G cầm cố tại cửa hàng của chị liên quan đến vụ án nên chị đã tự nguyện giao nộp cho Công an. Đến ngày 02/01/2019, chị Th đã nhận được 5.000.000 đồng tiền bồi thường từ gia đình T, chị không yêu cầu T phải bồi thường thêm.

Những người làm chứng chị Nguyễn Thị Ng2 và anh Bùi Văn D đều có lời khai về thời gian, địa điểm và một số tình tiết của vụ án phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo, qua tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận: Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 28/10/2018, tại tổ 64, khu 8, phường H, thành phố Hạ Long, Nguyễn Văn T đã có hành vi nói dối để mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 14B1-470.65, trị giá 15.558.000 đồng của anh Vũ Văn N rồi chiếm đoạt đem đi cầm cố lấy tiền với mục đích ăn tiêu cá nhân.

Hội đồng xét xử thấy, hành vi nêu trên của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu chính đáng về tài sản của người khác, là khách thể quan trọng được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 30/CT-VKSHL ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…".

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi quyền sở hữu về tài sản là một trong những quyền cơ bản của công dân, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến đều bị nghiêm cấm và nghiêm trị. Bị cáo là người đã thành niên, nhưng do không chịu rèn luyện, tu dưỡng bản thân, lười lao động, thích hưởng thụ thành quả lao động của người khác nên bị cáo bất chấp điều đó thực hiện tội phạm nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Để đạt được điều này, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, thực hiện hành vi nói dối để mượn xe mô tô của anh Vũ Văn N rồi chiếm đoạt, đem đi cầm cố. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành thông qua việc cầm cố được chiếc xe lấy số tiền 5.000.000 đồng để ăn tiêu cá nhân.

Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử, áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết để cải tạo, giáo dục cũng như phục vụ cho công tác phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã trả lại đầy đủ số tiền cầm cố xe cho người có quyền lợi, nghĩ vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th; đồng thời bị hại anh Vũ Văn N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về vấn đề bồi thường nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là người không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Bị hại anh Vũ Văn N đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hạ Long trả lại chiếc xe mô tô BKS 14B1-470.65 nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th đã nhận đủ 5.000.000 đồng gia đình T bồi thường. Bị hại anh Vũ Văn N và chị Th đều không yêu cầu T có trách nhiệm bồi thường thêm nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 07/11/2018.

Căn cứ vào: Điều 135; Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND TP. Hạ Long;*
- *THADS TP. Hạ Long;*
- *Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ;*
- *CQCSĐT CA TP Hạ Long;*
- *Lưu HS, Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Yến